

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày: 02/03/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Lê.

Các Thẩm phán: 1./ Ông Trần Năm

2./ Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến – Thư ký TAND tỉnh Kon Tum.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: Bà Chu Thị Sáu

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Ngày 21/8/2014 qua bà Trần Thị M bà có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), hẹn 20 ngày sẽ thanh toán, lãi suất theo thỏa thuận, nhưng đến nay bà H vẫn không thanh toán cho bà, nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà tổng số tiền là 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Đến ngày 05/6/2017 bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng), số tiền còn lại bà D yêu cầu bà H và bà M phải trả cho bà là 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng), trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 05/6/2017 là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà công nhận ngày 21/8/2014 tại nhà bà D bà có nhận số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) của bà D và có ký nhận trong giấy vay tiền, bà H cho rằng bà nhận số tiền trên là do trước đây bà Trần Thị M vay của bà 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), nay bà M vay được của bà D gọi bà đến nhận tiền và bà đồng ý đến nhà bà D nhận số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) chứ bà không vay của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Trước khi bà H nhận vay tiền của bà D 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), bà chỉ còn nợ bà H 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà công nhận trước đây bà có vay của bà H hai đợt tổng số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhưng bà đã trả cho bà H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trong đó trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào tháng 01/2014 âm lịch và trừ tiền vật liệu xây dựng cho bà H xây nhà là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà H nhận tiền từ bà D thì bà H có trách nhiệm trả cho bà D, còn bà chỉ nợ bà H 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bà có trách nhiệm trả cho bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi xử:

Áp dụng Điều 26, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2016; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2017 của nguyên đơn và xử như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M mỗi người phải trả cho bà Lê Thị D tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2017 là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*), trong đó: Tiền gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), tiền lãi là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Tuyên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lãi phát sinh khi chậm thi hành án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mỗi người phải nộp 2.600.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự và quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2017, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Lê Thị D không rút đơn khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến: Ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị D khởi kiện đòi nợ bà Nguyễn Thị H, chứng cứ xuất trình là giấy vay tiền ngày 21/8/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án các lần hòa giải và tại cấp sơ thẩm, bà M đã đồng ý cùng bà H trả cho bà D số tiền theo yêu cầu của bà D, bà M không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không được quyền xem xét. Riêng về nội dung kháng cáo của bà H cho rằng đây là số tiền bà M vay để trả nợ cho H nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, do đó theo giấy vay tiền bà H có ký nhận tiền nên cấp sơ thẩm buộc bà H cũng có nghĩa vụ trả tiền cho bà D là có cơ sở, nội dung kháng cáo của bà H không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án số 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở 01 giấy vay tiền ngày 21/8/2014, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải

quyết là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là không đúng và đã chấp nhận nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn đã rút là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm nghiêm túc.

[2] Xét kháng cáo bị đơn cho rằng giấy vay tiền ngày 21/8/2014 là do trước đây bà Trần Thị M vay của bà 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), nay bà M vay được của bà D gọi bà đến nhận tiền và bà đồng ý đến nhà bà D nhận số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và ký giấy vay tiền chứ bà không vay của bà D, thấy rằng:

Về số tiền gốc vay: Xem xét giấy vay tiền ngày 21/8/2014 thể hiện có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M tại phần người vay tiền, các bà đã đọc kỹ lại trước khi ký. Trong quá trình giải quyết bà H thừa nhận có nhận số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) của bà D và thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trên giấy vay tiền ngày 21/8/2014. Hơn nữa, đã có hai lần hòa giải ngày 05/6/2017 và ngày 04/8/2017 bà H và bà M thỏa thuận cùng trả tiền cho bà D. Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2017 bà H thống nhất nội dung thỏa thuận, bà H chỉ thay đổi ý kiến về buổi hòa giải ngày 04/8/2017 với nội dung về thời hạn trả nợ. Căn cứ giấy vay tiền, lời thừa nhận của các bên, bà H và bà M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D, còn việc vay nợ giữa bà H với bà M do hai bà tự giải quyết với nhau.

Về số tiền lãi: Bà D yêu cầu tính số tiền lãi đối với số tiền vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) từ ngày vay 21/8/2014 đến ngày 06/11/2017 là 24.000.000 đồng là phù hợp với lãi suất quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được Tòa án sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Áp dụng khoản 2 điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M mỗi người phải trả cho bà Lê Thị D tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2017 là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*), trong đó: Tiền gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), tiền lãi là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) do bà Lê Thị D đã rút yêu cầu vào ngày 05/6/2017, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M không trả khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.600.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001862 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Bà Trần Thị M phải nộp 2.600.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008592 ngày 11 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/3/2018).

Nơi nhận:

- TAND huyện Ngọc Hồi;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thành Lê